

**Năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế
tại một cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam**

Nguyễn Thị Thủy*

Trường Đại học Hà Nội, Km 9 Nguyễn Trãi, phường Đại Mỗ, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 26/12/2025; ngày chuyển phản biện 29/12/2025;

ngày nhận phản biện 7/1/2026; ngày chấp nhận đăng 13/1/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu xem xét năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế đang học tập tại một cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, tập trung phân tích bốn thành tố gồm nhận thức, kiến thức, kỹ năng và thái độ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sinh viên quốc tế có mức độ nhận thức cao về vai trò của việc thấu hiểu và tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong các tương tác học thuật và đời sống hằng ngày. Khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng giao tiếp liên văn hóa vào các tình huống thực tiễn còn chưa đồng đều. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình hỗ trợ và đào tạo mang tính hệ thống nhằm nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa, góp phần cải thiện khả năng thích ứng và hiệu quả học tập của sinh viên quốc tế trong môi trường giáo dục đại học đa văn hóa.

Từ khóa: giao tiếp liên văn hóa, năng lực giao tiếp liên văn hóa, sinh viên quốc tế.

Chỉ số phân loại: 5.3, 5.13

**Intercultural communication competence of international students at a higher
education institution in Vietnam**

Thi Thuy Nguyen*

Hanoi University, Km 9 Nguyen Trai Street, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam

Received 26 December 2025; revised 7 January 2026; accepted 13 January 2026

Abstract:

This article examines the intercultural communication competence of international students enrolled at a higher education institution in Vietnam, with a focus on four core dimensions: awareness, knowledge, skills, and attitudes. The findings indicate that international students demonstrate a high level of awareness regarding the importance of understanding and respecting cultural differences in both academic interactions and everyday life. However, the ability to apply intercultural knowledge and communication skills in practical contexts remains uneven, particularly in complex and culturally sensitive situations. The study therefore highlights the need for systematic support and training programmes aimed at strengthening intercultural communication competence, thereby enhancing international students' adaptation and academic effectiveness within a multicultural higher education environment.

Keywords: intercultural communication, intercultural communication competence, international students.

Classification numbers: 5.3, 5.13

*Tác giả liên hệ: Email: Thuyrnt@hanu.edu.vn

1. Mở đầu

Toàn cầu hóa và quốc tế hóa giáo dục đang tác động sâu sắc đến giáo dục đại học, làm gia tăng mạnh mẽ sự di chuyển xuyên quốc gia của sinh viên và mở rộng không gian học tập đa văn hóa trong các cơ sở giáo dục đại học. Việc thu hút sinh viên quốc tế không chỉ góp phần nâng cao vị thế học thuật của các trường đại học mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực giao tiếp, thích ứng và hội nhập văn hóa của người học.

Tại Việt Nam, quốc tế hóa giáo dục đại học đã được xác định là một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục quốc gia. Theo thông tin trên Viet Nam News, trong năm học 2023-2024, Việt Nam đón khoảng 22.000 sinh viên quốc tế đang học tập tại các cơ sở giáo dục đại học [1]. Sinh viên quốc tế đến Việt Nam đa dạng về quốc tịch và hình thức học tập như: sinh viên theo diện học bổng hợp tác quốc tế, sinh viên tự túc và các chương trình trao đổi học thuật. Sự gia tăng góp phần làm phong phú môi trường học đường đa văn hóa, đồng thời làm nổi bật các vấn đề liên quan đến giao tiếp, thích ứng và hội nhập văn hóa của sinh viên quốc tế trong đời sống và học tập. Trong bối cảnh đó, năng lực giao tiếp liên văn hóa được xem là yếu tố quan trọng giúp sinh viên quốc tế tương tác hiệu quả và phù hợp trong môi trường giáo dục đa dạng về văn hóa. G.M. Chen và cs (1998) [2] cho rằng, năng lực giao tiếp liên văn hóa là khả năng thực hiện các hành vi giao tiếp hiệu quả, phù hợp với bối cảnh văn hóa khác nhau, dựa trên nhận thức, kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế đang học tập tại một cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp hỗ trợ, góp phần nâng cao chất lượng hội nhập văn hóa và thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa giáo dục đại học.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu này kế thừa quan điểm cho rằng năng lực giao tiếp liên văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ với năng lực giao tiếp nói chung và được xem là một thành tố cốt lõi trong bối cảnh giáo dục đa văn hóa [3]. Trong các mô hình nền tảng về năng lực giao tiếp [4] đề xuất bốn thành tố gồm năng lực ngữ pháp, xã hội, ngôn ngữ, diễn ngôn và chiến lược, mô hình này chủ yếu tiếp cận từ góc độ văn hóa của ngôn ngữ đích, còn hạn chế khi áp dụng vào các tình huống giao tiếp liên văn hóa đa chiều [5].

Nhằm khắc phục hạn chế này, M. Byram (1997) [6] đã đề xuất khung năng lực giao tiếp liên văn hóa gồm năm thành tố: kiến thức, kỹ năng hiểu, diễn giải, kỹ năng học hỏi và tương tác, thái độ và năng lực phản tư/phê phán. Mô hình này nhấn mạnh tính hai chiều trong tương tác văn hóa, giúp người học tránh tư duy vị kỷ văn hóa. Trên cơ sở đó, D.K. Deardorff (2006) [7] tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng của các thành tố kiến

thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình hòa nhập của sinh viên quốc tế vào môi trường học tập mới. Còn B. Leask (2009) [8] cho rằng, việc phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa không chỉ phụ thuộc vào cá nhân người học mà còn gắn chặt với cách tổ chức chương trình đào tạo, đặc biệt thông qua việc tích hợp các yếu tố liên văn hóa vào chương trình chính khóa và ngoại khóa. K.M. Soria và cs (2014) [9] với khái niệm quốc tế hóa tại chỗ nhấn mạnh vai trò của các không gian tương tác giữa sinh viên bản địa và sinh viên quốc tế trong việc thúc đẩy năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Tại Việt Nam, khung năng lực giao tiếp liên văn hóa của N. Quang (2017) [10] đã góp phần lý giải các thành tố cấu thành năng lực này trong bối cảnh giáo dục, văn hóa Việt Nam. Các nghiên cứu trong nước [11-13], đều khẳng định vai trò của năng lực giao tiếp liên văn hóa trong giáo dục ngôn ngữ, song cũng chỉ ra những hạn chế trong việc tích hợp yếu tố liên văn hóa, đặc biệt đối với sinh viên quốc tế.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về năng lực giao tiếp liên văn hóa, làm rõ các khung lý thuyết nền tảng như M. Byram và khung tiếp cận trong nước của N. Quang (2017) [10]. Kết quả của bước này là cơ sở để xác định cấu trúc khái niệm, xây dựng thang đo và định hướng phân tích dữ liệu.

3.2. Phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi cấu trúc, sử dụng thang đo Likert 5 mức, nhằm đo lường các thành tố của năng lực giao tiếp liên văn hóa gồm nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất cá nhân và khả năng vận dụng kiến thức liên văn hóa. Phương pháp này đánh giá hệ thống mức độ biểu hiện năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam.

3.3. Phương pháp phân tích thống kê

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS, sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả để xác định xu hướng chung, kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp này bảo đảm tính khoa học, độ tin cậy và giá trị của công cụ nghiên cứu.

3.4. Phương pháp nghiên cứu định tính bổ trợ

Bên cạnh dữ liệu định lượng, nghiên cứu sử dụng các ý kiến chia sẻ, trích dẫn trải nghiệm của sinh viên quốc tế thu thập từ câu hỏi mở trong bảng hỏi và phỏng vấn ngắn không cấu trúc, giúp làm rõ hơn những khó khăn, tình huống giao tiếp cụ thể và bối cảnh văn hóa mà sinh viên quốc tế gặp phải, qua đó bổ sung chiều sâu cho kết quả định lượng.

4. Kết quả

4.1. Thông tin về mẫu nghiên cứu

- *Tổng thể nghiên cứu*: Là sinh viên nước ngoài đang học tập tại Trường Đại học Hà Nội.

- *Đối tượng và mẫu điều tra*: Khảo sát được thực hiện với 121 sinh viên quốc tế đang học tập tại Trường Đại học Hà Nội. Trong đó, có 68 nam (56,2%) và 53 nữ (43,8%), đến từ nhiều quốc gia như: Trung Quốc, Lào, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippines. Thời gian lưu trú tại Việt Nam dao động từ dưới 6 tháng đến trên 2 năm, trong đó 82,7% đã ở từ 6 tháng trở lên. Mức độ tiếp xúc với tiếng Việt ngoài giờ học chủ yếu ở mức “thường xuyên” (50%) và “rất thường xuyên” (19%), phản ánh mức độ tương tác văn hóa tương đối cao trong nhóm khảo sát.

- *Cách thức xử lý dữ liệu*: Dữ liệu được làm sạch trong SPSS bằng cách kiểm tra dữ liệu thiếu, loại phiếu trả lời theo mẫu lặp lại, loại phiếu có thời gian trả lời ngắn và phạm vi giá trị thang đo.

4.2. Kết quả khảo sát thực trạng

Các nội dung khảo sát được đo lường bằng thang Likert 5 mức, trong đó 1 = hoàn toàn không đồng ý, 2 = không đồng ý, 3 = phân vân, 4 = đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý. ĐTB = điểm trung bình) và ĐLC = độ lệch chuẩn

4.2.1. Nhận thức của sinh viên quốc tế về năng lực giao tiếp liên văn hóa

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên quốc tế về năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	ĐLC
Bạn nhận thức được đặc điểm văn hóa cá nhân của mình ảnh hưởng đến giao tiếp liên văn hóa	1,6	2,5	15,3	34,7	40,7	4,09	0,93
Bạn nhận diện các yếu tố văn hóa cá nhân ảnh hưởng đến cách bạn giao tiếp với người từ nền văn hóa khác	0,0	4,1	9,9	49,6	36,4	4,18	0,77
Bạn nhận thức về khác biệt trong phong tục, truyền thống và giá trị giữa các nền văn hóa khác	0,0	3,3	13,2	45,5	38	4,18	0,78
Bạn hiểu biết về cách các khác biệt văn hóa có thể ảnh hưởng đến giao tiếp	0,8	1,7	16,5	40,5	40,5	4,18	0,82
Bạn đánh giá tầm quan trọng của việc phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa	0,0	2,5	16,5	38,8	42,1	4,21	0,80
Bạn thấy rằng năng lực giao tiếp liên văn hóa là cần thiết để thành công trong học tập và sự nghiệp	0,0	1,7	17,4	37,2	43,8	4,23	0,79
Bạn nhận thức về các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong giao tiếp liên văn hóa	0,0	3,3	17,4	38,8	40,5	4,17	0,83

Kết quả bảng 1 cho thấy, sinh viên quốc tế có nhận thức tích cực về năng lực giao tiếp liên văn hóa. Các ý kiến đều đạt ĐTB cao, dao động từ 4,09 đến 4,23 trên thang

Likert 5 điểm, phản ánh mức độ đồng thuận lớn với tỷ lệ lựa chọn “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” đều trên 80%. Đặc biệt nội dung “*Năng lực giao tiếp liên văn hóa là cần thiết để thành công trong học tập và sự nghiệp*” có ĐTB cao nhất (4,23), cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò thiết yếu của năng lực này trong bối cảnh học thuật và nghề nghiệp. Tương tự “*Đánh giá về tầm quan trọng của việc phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa*” đạt ĐTB là 4,21, khẳng định thái độ chủ động trong việc rèn luyện năng lực này. Mức độ nhận thức về ảnh hưởng của văn hóa cá nhân đến giao tiếp liên văn hóa vẫn còn phân hóa. Nội dung “*Bạn nhận thức được rằng đặc điểm văn hóa cá nhân ảnh hưởng đến giao tiếp liên văn hóa*” có ĐTB thấp nhất (4,09) và DLC cao nhất (0,93), đồng thời có tỷ lệ chọn “phân vân” cao (15,3%), cho thấy một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đầy đủ vai trò của bản sắc văn hóa cá nhân trong tương tác đa văn hóa. DLC của các biến quan sát tương đối thấp (0,77-0,83), thể hiện sự nhất quán trong phản hồi.

Kết quả này cho thấy, sinh viên quốc tế có nhận thức tốt về năng lực giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt là vai trò của năng lực này trong học tập, nghề nghiệp và ứng phó với rủi ro giao tiếp. Tuy vậy, vẫn cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò của văn hóa cá nhân trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa.

4.2.2. Kiến thức của sinh viên quốc tế về năng lực giao tiếp liên văn hóa

Bảng 2. Kiến thức của sinh viên quốc tế về năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	DLC
Bạn hiểu biết về các khía cạnh văn hóa trong giao tiếp liên văn hóa	0,0	2,5	19,0	39,7	38,8	4,15	0,81
Bạn hiểu biết về nguyên tắc cơ bản khi giao tiếp với người từ các nền văn hóa khác nhau	0,0	1,7	16,5	43	38,8	4,19	0,76
Bạn hiểu biết về sự khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể giữa các nền văn hóa khác nhau	0,8	1,7	22,3	39,7	35,5	4,07	0,84
Bạn hiểu biết về quy tắc giao tiếp đặc trưng của các nền văn hóa khác nhau	0,0	0,8	19,8	34,7	44,6	4,23	0,79
Bạn hiểu biết về tầm quan trọng của việc tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp	0,0	4,1	16,5	35,5	43,8	4,19	0,86
Bạn có khả năng đánh giá các lỗi phổ biến khi giao tiếp với người từ nền văn hóa khác	0,0	3,3	24,0	34,7	38,0	4,07	0,86

Kết quả bảng 2 cho thấy, sinh viên quốc tế có kiến thức về năng lực giao tiếp liên văn hóa đạt mức khá cao, cụ thể, có 78,5% sinh viên đồng ý rằng họ hiểu các khía cạnh văn hóa như phong tục, lễ nghi và ngôn ngữ cơ sở trong giao tiếp liên văn hóa, đồng thời 81,8% có thể hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản khi giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau như; sử dụng ngôn ngữ của họ, tôn trọng những sự khác biệt.

Khi đề cập đến sự khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ cơ sở, tỷ lệ sinh viên có thể hiểu được rõ ràng là giảm xuống còn 75,2%, trong khi có tỷ lệ 22,3% phân vân. Đối với quy tắc giao tiếp cụ thể của các nền văn hóa, 79,3% sinh viên đồng ý rằng họ hiểu biết tốt, nhưng vẫn có một bộ phận nhỏ (19,8%) chưa chắc chắn về vấn đề này. Đặc biệt, về sự quan trọng của việc tôn trọng sự khác biệt được văn hóa đánh giá khá cao với 79,3% sinh viên đồng ý, nhưng tỷ lệ không đồng ý lại cao hơn các mục khác (4,1%), cho thấy khía cạnh này cần được nhấn mạnh hơn trong quá trình học tập và luyện tập. Ngoài ra, khả năng đánh giá các phổ biến lỗi trong giao tiếp liên văn hóa có 72,7% sinh viên đồng ý, nhưng lại có 24% phân vân. Cũng tại nhân tố này có ĐTB là 4,15 và DLC tương đối cao 0,86, cho thấy có sự phân tán ý kiến và có thể có một số sinh viên chưa hoàn toàn tự tin trong việc nhận diện và xử lý các lỗi giao tiếp liên văn hóa.

Khi được hỏi về vấn đề này sinh viên đã chia sẻ: “Em nghĩ năng lực giao tiếp liên văn hóa đối với sinh viên trong bối cảnh hội nhập là điều đặc biệt quan trọng và cần thiết, nhất là trong môi trường đại học đa ngôn ngữ với rất nhiều sinh viên đến từ các quốc gia khác nhau. Các sinh viên cần được trang bị kiến thức về văn hoá nước mình cũng như các nước trên thế giới để hiểu rõ về các giá trị văn hoá. Từ đó tránh được những hiểu nhầm từ những nền văn hoá khác nhau cũng như để trân trọng các nền văn hoá đa dạng trên thế giới” (sinh viên Trung Quốc năm thứ ba ở Trường Đại học Hà Nội).

Như vậy, sinh viên quốc tế sở hữu nền tảng kiến thức khá tốt về giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt ở khả năng hiểu các nguyên tắc chung, phong tục và sự tôn trọng khác biệt văn hóa. Tuy vậy, mức độ tự tin giảm khi đi vào các biểu hiện tinh tế hơn như cách dùng ngôn ngữ cơ sở hay nhận diện lỗi giao tiếp, thể hiện qua tỷ lệ phân vân cao. Cho thấy năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên vẫn chưa đồng đều, cần được củng cố bằng hoạt động học tập và trải nghiệm thực hành sâu hơn, nhằm giúp sinh viên chủ động ứng xử phù hợp và tránh xung đột văn hóa trong môi trường đại học đa ngôn ngữ.

4.2.3. Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế

Bảng 3. Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	DLC
Bạn điều chỉnh giao tiếp để phù hợp với người từ các nền văn hóa khác nhau	0,8	3,3	24	37,2	34,7	4,02	0,89
Bạn duy trì mối quan hệ tốt với người từ nền văn hóa khác nhau	0,0	2,5	19	37,2	41,3	4,17	0,82
Bạn lắng nghe và thấu hiểu được quan điểm của người từ các nền văn hóa khác nhau	0,0	1,7	16,5	44,6	37,2	4,17	0,76
Bạn xử lý khó khăn khi giao tiếp với những người từ nền văn hóa khác nhau	0,0	3,3	21,5	40,5	34,7	4,07	0,83
Bạn diễn đạt rõ ràng và tránh hiểu lầm khi giao tiếp với người từ các nền văn hóa khác nhau	0,0	1,7	24,0	46,3	28,1	4,01	0,77

Bạn tự tin khi giao tiếp với người từ các nền văn hóa khác nhau	0,0	3,3	22,3	43	31,4	4,02	0,82
Bạn nhận biết và xử lý các tình huống giao tiếp nhạy cảm về mặt văn hóa .	0,0	1,7	22,3	36,4	39,7	4,14	0,82
Khi làm việc nhóm với SV từ các nền văn hóa khác, bạn có thể cộng tác và giao tiếp hiệu quả	2,5	1,7	23,1	38,0	34,7	4,01	0,93

Kết quả bảng 3 cho thấy, sinh viên quốc tế có mức độ tự tin cao trong giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt ở khả năng điều chỉnh hành vi giao tiếp, duy trì quan hệ và lắng nghe quan điểm của người khác. Cụ thể, 71,9% sinh viên cho biết họ có thể linh hoạt điều chỉnh cách giao tiếp với người đến từ các nền văn hóa khác, 78,5% duy trì được mối quan hệ tích cực và 81,8% cảm thấy thành thạo trong việc lắng nghe cũng như thấu hiểu quan điểm đa dạng. Tỷ lệ sinh viên phân vân vẫn dao động từ 16,5% đến hơn 24%, phản ánh sự chưa đồng đều trong năng lực giao tiếp ở những tình huống đòi hỏi sự tinh tế cao. Các kỹ năng đặc như xử lý khó khăn trong giao tiếp, diễn đạt rõ ràng để tránh hiểu lầm và nhận diện tình huống nhạy cảm, mức độ tự tin của sinh viên có xu hướng giảm nhẹ. Khoảng 75,2% sinh viên cho biết họ có thể giải quyết khó khăn, 74,4% tự tin về khả năng diễn đạt và 76,1% nhận diện được các tình huống nhạy cảm. Tuy vậy, tỷ lệ phân vân vẫn ở mức (21-24%), cho thấy không phải sinh viên nào cũng cảm thấy sẵn sàng đối mặt với các tương tác liên văn hóa phức tạp. Khả năng làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa cũng đạt mức tương đối cao (72,7%), dù vẫn có 23,1% còn do dự. Chỉ số ĐTB chung đạt 4,09 cùng DLC từ 0,77-0,93 phản ánh mức độ hội tụ ý kiến tốt, nhưng cũng cho thấy tồn tại sự khác biệt về mức độ tự tin giữa các nhóm sinh viên.

Một sinh viên quốc tế đã chia sẻ: “Mong muốn được học nhiều hơn trong các môn như “Đất nước học”, “Ngôn ngữ và Văn hóa” và “Chuyên đề Văn hóa””. Hoặc một sinh viên đến từ Lào bày tỏ: “Em đã gặp phải khi giao tiếp với người Việt, gặp lỗi do khác biệt văn hoá là lúc mới học tiếng Việt em chưa biết rõ về văn hoá nói của người Việt, trong khi giao tiếp chính là cách xưng hô. Ví dụ, tiếng Việt chào hỏi các thầy cô giáo hay người lớn tuổi sẽ nói là: Cháu, con, em chào cô hoặc ông. Nhưng ở Lào thì không cần xưng bản thân, mà sẽ chào hỏi là: Chào ông, cô luôn”. Hay một ý kiến khác cho biết: “Khi em mới sang Việt Nam, em đã nhiều lần nhầm lẫn trong cách sử dụng đại từ xưng hô. Trong một bữa ăn gia đình của người Việt, em đã gọi một người lớn tuổi bằng “bạn” vì không biết phải gọi là “chú” hay “bác”. Điều này khiến không khí trở nên ngượng ngùng và người Việt trong bữa ăn cảm thấy không thoải mái”.

Từ những phân tích trên cho thấy, sinh viên quốc tế có nền tảng tốt về kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, cần được hỗ trợ thêm trong việc điều chỉnh phong cách giao tiếp và giải quyết những tình huống giao tiếp phức tạp trong môi trường đa văn hóa.

4.2.4. Thái độ của sinh viên quốc tế đối với giao tiếp liên văn hóa

Bảng 4. Thái độ của sinh viên quốc tế đối với giao tiếp liên văn hóa.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	ĐLC
Bạn sẵn sàng thử thách bản thân bằng cách tham gia vào các hoạt động giao lưu văn hóa	1,7	0,0	19,8	40,5	38,0	4,13	0,84
Bạn thấy việc hiểu và tôn trọng sự khác biệt văn hóa là cần thiết trong giao tiếp hằng ngày	0,0	2,5	14,9	35,5	47,1	3,98	0,90
Bạn sẵn sàng thay đổi quan điểm cá nhân để phù hợp hơn với những chuẩn mực văn hóa khác trong giao tiếp	0,0	2,5	19,0	41,3	37,2	4,27	0,80
Bạn thấy việc học hỏi về các nền văn hóa khác giúp ích cho việc phát triển cá nhân và nghề nghiệp của mình	0,0	0,8	24,0	31,4	43,8	4,13	0,80
Bạn thấy việc duy trì một thái độ cởi mở, khi giao tiếp với người từ nền văn hóa khác	0,0	1,7	16,5	35,5	46,3	4,18	0,82
Bạn sẵn sàng tham gia vào các khóa học hoặc hội thảo về giao tiếp liên văn hóa để nâng cao hiểu biết, kỹ năng của mình	0,0	4,1	17,4	40,5	38,0	4,26	0,79

Kết quả bảng 4 cho thấy, sinh viên quốc tế duy trì thái độ tích cực đối với giao tiếp liên văn hóa trong môi trường học đường đa văn hóa. Cụ thể, 77% sinh viên sẵn sàng chủ động tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, trong khi chỉ 9,9% bày tỏ quan điểm không tích cực và 82,6% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng việc hiểu và tôn trọng sự khác biệt văn hóa là yếu tố quan trọng trong giao tiếp hằng ngày. Và có 78,5% sinh viên cho biết sẵn sàng điều chỉnh quan điểm cá nhân để phù hợp với các chuẩn mực văn hóa khác, dù vẫn còn 19% ở trạng thái phân vân. Tương tự, 75,2% sinh viên nhận định việc tìm hiểu các nền văn hóa khác mang lại lợi ích cho sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp, song 24% chưa chắc chắn về tác động của yếu tố này.

Thái độ cởi mở và không định kiến trong giao tiếp liên văn hóa được thể hiện khá rõ, với 81,8% sinh viên cho rằng họ duy trì được tinh thần tôn trọng và cởi mở khi tương tác với người đến từ các nền văn hóa khác nhau. Đồng thời, 78% sinh viên bày tỏ mong muốn tham gia các khóa học hoặc hội thảo về giao tiếp liên văn hóa, dù vẫn tồn tại một bộ phận phân vân về vấn đề này.

Như vậy sinh viên quốc tế có thái độ tích cực và tinh thần học hỏi trong việc giao tiếp liên văn hóa trong môi trường giáo dục đại học đa văn hóa, đồng thời cho thấy nhu cầu cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ và bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa một cách hệ thống nhằm thúc đẩy quá trình thích nghi hiệu quả hơn.

4.2.5. Phẩm chất cá nhân của sinh viên quốc tế trong giao tiếp liên văn hóa

Bảng 5. Phẩm chất cá nhân của sinh viên quốc tế trong giao tiếp liên văn hóa.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	ĐLC
Bạn là người có lòng đồng cảm khi giao tiếp với những người từ nền văn hóa khác.	0,8	1,7	20,7	47,9	28,9	4,08	0,96
Bạn có xu hướng cảm nhận và thấu hiểu cảm xúc của người từ các nền văn hóa khác.	0,0	1,7	19	41,3	38	4,02	0,80

Bạn là người khoan dung và linh hoạt trong các tình huống giao tiếp liên văn hóa.	0,0	0,8	19,8	42,1	37,2	4,16	0,78
Bạn có tính khách quan khi tiếp nhận và đánh giá phản hồi từ người thuộc nền văn hóa khác.	0,8	0,8	16,5	39,7	42,1	4,16	0,76
Bạn kiên trì và sẵn lòng tìm hiểu khi đối mặt với khó khăn trong việc thích nghi với phong tục và thói quen văn hóa mới.	1,7	1,7	16,5	36,4	43,8	4,21	0,81

Kết quả bảng 5 cho thấy, sinh viên quốc tế sở hữu nhiều phẩm chất cá nhân tích cực trong giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt là đồng cảm, khả năng thấu hiểu cảm xúc, tính linh hoạt và sự công tâm. Có 76,8% sinh viên cho biết họ có thể đánh giá tình huống một cách khách quan và công bằng, mặc dù vẫn còn 20,7% phân vân về mức độ tự tin của mình. Đồng thời, 79,3% sinh viên khẳng định họ dễ dàng nhận diện và hiểu cảm xúc của người đến từ các nền văn hóa khác.

Khả năng khoan dung, linh hoạt của sinh viên trong các tình huống giao tiếp phức tạp cũng được đánh giá tích cực, với 79,3% đồng ý rằng họ có thể điều chỉnh hành vi và phản ứng phù hợp với bối cảnh và gần 20% vẫn chưa chắc chắn, cho thấy quá trình phát triển kỹ năng này vẫn cần được hỗ trợ thêm. Ngoài ra, 81,8% sinh viên cho biết họ xử lý phản hồi từ người khác một cách công bằng và không thiên vị, thể hiện tính công tâm trong giao tiếp. Và có 80,2% sinh viên duy trì nỗ lực tìm hiểu và thích nghi khi gặp khó khăn liên quan đến phong tục hoặc thói quen văn hóa khác, cho thấy mức độ cam kết và kiên trì trong quá trình hội nhập văn hóa.

Ngoài ra một số ý kiến khác của sinh viên cũng chia sẻ như: “Ở Lào, ngôn ngữ cơ thể có thể mang ý nghĩa khác so với ở Việt Nam. Ví dụ, trong văn hóa Lào, việc tránh nhìn thẳng vào mắt người lớn tuổi hơn được coi là biểu hiện của sự kính trọng, trong khi ở Việt Nam, việc không giao tiếp bằng mắt có thể bị hiểu nhầm là không tự tin hoặc thiếu tôn trọng”, hay “sinh viên Lào có thể ít bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp và thường tránh xung đột trong giao tiếp. Trong khi đó, người Việt có thể có cách thể hiện cảm xúc hơn, đặc biệt là trong giao tiếp hàng ngày. Điều này có thể dẫn đến sự hiểu lầm, khi sinh viên Lào cảm thấy ngại ngùng hoặc e dè trước sự cởi mở của người Việt” (sinh viên Lào, năm thứ hai tại Trường Đại học Hà Nội).

4.2.6. Khả năng vận dụng kiến thức trong giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế

Bảng 6. Mức độ đánh giá về khả năng vận dụng kiến thức liên văn hóa của sinh viên quốc tế.

Nội dung	1(%)	2(%)	3(%)	4(%)	5(%)	ĐTB	ĐLC
Bạn áp dụng kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa để giải quyết hiệu quả các tình huống giao tiếp liên văn hóa.	1,7	3,3	13,2	38,8	43	4,19	0,88

Bạn sử dụng hiểu biết về phong tục, thói quen văn hóa để điều chỉnh cách giao tiếp trong các bối cảnh khác nhau.	0,0	1,7	17,4	41,3	39,7	4,18	0,90
Bạn biết cách sử dụng kiến thức về văn hóa để khắc phục khó khăn trong các tình huống giao tiếp đa văn hóa.	0,0	0,8	20,7	42,1	36,4	4,19	0,77
Bạn linh hoạt điều chỉnh phong cách giao tiếp để phù hợp với các bối cảnh văn hóa khác nhau.	0,8	3,3	19	37,2	39,7	4,14	0,76
Khi giao tiếp với người từ nền văn hóa khác, bạn dễ dàng thích ứng với các quy tắc và phong tục của họ.	0,0	2,5	19	32,2	46,3	4,12	0,88
Khi đối mặt với sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp, bạn điều chỉnh cách diễn đạt để tạo hiệu quả giao tiếp tốt hơn.	0,8	1,7	14	36,4	47,1	4,22	0,84

Kết quả bảng 6 cho thấy, sinh viên quốc tế có khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn hóa vào giao tiếp thực tế ở mức khá cao, với ĐTB chung đạt 4,19, phản ánh năng lực ứng dụng thực hành tương đối vững của sinh viên trong các tình huống giao tiếp đa văn hóa. Cụ thể, 81% sinh viên đồng ý rằng họ có thể sử dụng hiểu biết về phong tục và thói quen văn hóa để điều chỉnh cách giao tiếp. Bên cạnh đó, 78,5% sinh viên cho biết họ có thể áp dụng kiến thức đã học để khắc phục khó khăn trong giao tiếp, dù vẫn có 20,7% phân vân. Tỷ lệ này phản ánh rằng một bộ phận sinh viên vẫn gặp thách thức trong việc chuyển hóa lý thuyết sang thực hành, đặc biệt khi tình huống giao tiếp trở nên phức tạp hoặc mang tính đặc thù văn hóa cao. Tương tự, 76,9% sinh viên khẳng định họ có khả năng điều chỉnh phong cách giao tiếp để phù hợp với các bối cảnh văn hóa khác nhau và 19% còn lưỡng lự, cho thấy tính linh hoạt trong giao tiếp liên văn hóa vẫn là kỹ năng cần tiếp tục được bồi dưỡng.

Khi xem xét khả năng thích ứng với quy tắc và phong tục của các nền văn hóa khác, 46,3% sinh viên hoàn toàn đồng ý và 32,2% đồng ý rằng họ dễ dàng thích nghi, trong khi 19% vẫn do dự. Khả năng điều chỉnh giao tiếp khi gặp phải sự khác biệt văn hóa được đánh giá tích cực, với 47,1% hoàn toàn đồng ý và 36,4% đồng ý; chỉ 2,5% không đồng ý. Độ lệch chuẩn của các biến trong nhân tố này dao động từ 0,76 đến 0,90, phản ánh mức độ đồng nhất tương đối trong các câu trả lời. DLC cao nhất (0,90) ở mục “sử dụng hiểu biết về phong tục, thói quen văn hóa để điều chỉnh cách giao tiếp” thấy được sự phân tán ý kiến lớn hơn.

Như vậy sinh viên quốc tế đã phát triển năng lực vận dụng kiến thức văn hóa vào giao tiếp thực tế tương đối tốt, nhưng vẫn còn một bộ phận cần được hỗ trợ thêm thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực hành giao tiếp và các khóa học nhằm tăng cường tính linh hoạt và khả năng ứng dụng kiến thức liên văn hóa một cách hiệu quả hơn.

5. Kết luận

Nghiên cứu phân tích năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế tại một cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trên các phương diện nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất cá nhân và khả năng vận dụng kiến thức liên văn hóa trong thực tiễn. Kết quả cho thấy, sinh viên quốc tế có mức độ nhận thức tốt, thái độ tích cực đối với giao tiếp liên văn hóa, trong việc thấu hiểu, tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong các tương tác học thuật và đời sống hằng ngày. Sinh viên cũng sở hữu nền tảng kiến thức, phẩm chất cá nhân như sự đồng cảm, cởi mở, khoan dung, tạo điều kiện cho quá trình thích nghi trong môi trường học đường đa văn hóa.

Nghiên cứu cũng chỉ ra sự chưa đồng đều trong khả năng chuyển hóa kiến thức và thái độ thành hành vi giao tiếp hiệu quả, nhất là trong các tình huống giao tiếp phức tạp và nhạy cảm về văn hóa. Khoảng cách này cho thấy năng lực giao tiếp liên văn hóa không chỉ hình thành thông qua nhận thức hay thiện chí cá nhân, mà cần được nuôi dưỡng bằng các cơ hội thực hành có định hướng. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của cơ sở giáo dục đại học trong việc thiết kế các chương trình hỗ trợ và đào tạo mang tính hệ thống, thúc đẩy mô hình quốc tế hóa tại chỗ, nhằm tăng cường tương tác và trải nghiệm liên văn hóa cho sinh viên. Do giới hạn về phạm vi và cỡ mẫu, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng đối tượng và phương pháp tiếp cận để làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Viet Nam News (2024), “Viet Nam welcomes 22,000 international students for this academic year”, *Vietnam News*, <https://vietnamnews.vn/society/1665766/viet-nam-welcomes-22-000-international-students-for-this-academic-year.html>, accessed 28 October 2024.

[2] G.M. Chen, W.J. Starosta (1998), “A review of the concept of intercultural awareness”, *Human Communication*, **2**, pp.27-54.

[3] L. Sercu (2004), “Assessing intercultural competence: A framework for systematic test development in foreign language education and beyond”, *Intercultural Education*, **15**(1), pp.73-89, DOI: 10.1080/1467598042000183074.

[4] M. Canale (2014), “From communicative competence to communicative language pedagogy”, *Language and Communication*, Routledge, pp.2-27.

[5] C. Alptekin (2002), “Towards intercultural communicative competence in ELT”, *ELT Journal*, **56**(1), pp.57-64, DOI: 10.1093/elt/56.1.57.

[6] M. Byram (1997), *Teaching and Assessing Intercultural Communicative Competence*, Multilingual Matters, 136pp.

[7] D.K. Deardorff (2006), “Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization”, *Journal of Studies in International Education*, **10(3)**, pp.241-266, DOI: 10.1177/1028315306287002.

[8] B. Leask (2009), “Using formal and informal curricula to improve interactions between home and international students”, *Journal of Studies in International Education*, **13(2)**, pp.205-221, DOI: 10.1177/1028315308329786.

[9] K.M. Soria, J. Troisi (2014), “Internationalization at home alternatives to study abroad: Implications for students’ development of global, international, and intercultural competencies”, *Journal of Studies in International Education*, **18(3)**, pp.261-280, DOI: 10.1177/1028315313496572.

[10] N. Quang (2017), “Intercultural communicative competence: A proposed model”, *VNU Journal of Foreign Studies*, **33(5)**.

[11] P.H. Danh (2021), “Enhancing foreign communication skills for students in technology-related disciplines”, *Proceedings of the scientific conference: Training to meet social needs and international integration according to the CDIO model*, Finance Publishing House, pp.209-212 (in Vietnamese).

[12] N.T.T. Lan (2020), “From the importance of intercultural communicative competence to redefining learning objectives for English learners in Vietnam”, *Journal of Science*, **17(8)**, pp.15-21 (in Vietnamese).

[13] D.T.D. Linh, D.N. Quynh (2019), “University students’ perceptions of intercultural communicative competence: A case study at the University of Languages and International Studies, Vietnam National University”, *Journal of Foreign Studies*, **35(5)**, pp.94-105, DOI: 10.25073/2525-2445/vnufs.442 (in Vietnamese).